

Số: 07/CT-UBND

Quảng Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2024

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025**

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030. Để kế thừa, phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển KT-XH trong giai đoạn tiếp theo, thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương) tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2025 như sau:

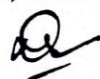
A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 và năm 2024, các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh; Kế hoạch hành động số 44/KH-UBND ngày 10/01/2024 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2024.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, có so sánh với năm 2023 và các năm 2021-2023, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KT-XH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh...; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống Nhân dân trong những tháng cuối năm.





2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

a) Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH các năm 2021-2023, ước thực hiện kết quả năm 2024 và dự báo tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; đánh giá, phân tích, dự báo khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Kế hoạch 5 năm 2021-2025; tập trung theo dõi, dự báo những diễn biến của tình hình thế giới và trong nước để chuẩn bị, sẵn sàng các kịch bản, giải pháp, đối sách phù hợp, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra đến mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Trên cơ sở đó, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, hướng tới thực hiện cao nhất các mục tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

b) Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 4 khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và các Nghị quyết, văn bản điều hành của HĐND, UBND tỉnh¹, mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn; trong đó, tiếp tục nắm chắc tình hình, chủ động phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả; ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; tập trung đẩy mạnh hơn nữa và bố trí nguồn lực thực hiện 4 khâu đột phá, nhất là tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thể chế; triệt để phân cấp, phân quyền, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh đầu tư theo phương thức hợp tác công tư, phát huy tính tự lực, tự cường của các cơ quan, đơn vị, gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KT-XH và kế hoạch đầu tư công; quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, đồng thời phải được lượng hóa rõ ràng².

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và phù hợp với định hướng tại Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kế hoạch 5 năm về phát triển KT-

¹ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 02/10/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025; Thông báo số 960-TB/TU ngày 25/9/2023 về kết luận Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 14 (mở rộng) sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Báo cáo sơ kết số 314-BC/TU ngày 26/9/2023 của Tỉnh ủy; Văn bản số 2259/UBND-TH ngày 06/11/2023 về tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025...

² Như: số km đường cao tốc; số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tinh giản...

XH của tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua, kế hoạch 5 năm về phát triển KT-XH cấp huyện đã được HĐND cấp huyện thông qua (đối với các địa phương), phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; đảm bảo tính kết nối với các ngành, địa phương trong tỉnh; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong tỉnh và cả nước trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của cả nước và khu vực cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, của tỉnh; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với thông lệ, thực hiện phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê trong xây dựng số liệu.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các sở, ngành, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, các sở, ngành và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2024, so sánh với kết quả thực hiện năm 2023 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục, trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự trên thế giới, tình hình lạm phát, tỷ giá, lãi suất, biến động giá cả hàng hóa thế giới và trong nước (xăng dầu, vàng...), các vấn đề an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng...; bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch năm 2024...

Các sở, ngành, địa phương đánh giá trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán NSNN năm 2024. Trong đó, tập trung làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

- Công tác giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh, thị trường bất động sản; công tác điều hành tín dụng, tỷ giá, lãi suất, ổn định thị trường tiền tệ, thị trường vàng; làm mới và thúc đẩy các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu); đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng...

3

de ✓

- Công tác rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả việc tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách, thực thi công vụ; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyên đổi số.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và chống chịu của nền kinh tế; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả.

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế. Nâng cao chất lượng hệ thống chính sách xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Thúc đẩy liên kết vùng; nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; triển khai thực hiện quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số; triển khai Đề án 06.

- Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ngành và địa phương tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường. Hợp tác và phát triển




vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, chiến tranh thương mại, phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt về kinh tế, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành xu thế rõ nét, đem lại cả thách thức và thời cơ. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh tài chính, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng tác động mạnh, đa chiều.

Trong nước, năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Sau gần 40 năm đổi mới và 35 năm tái lập tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, nhất là việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 với tác động nặng nề của Đại dịch COVID-19 đầu nhiệm kỳ, tái cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm, năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp, nhiều tiềm năng, lợi thế chưa được khai thác và phát huy có hiệu quả, đời sống của một bộ phận Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, áp lực lạm phát... sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng của tỉnh.

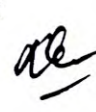
Trong bối cảnh đó, các sở, ngành và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, tình hình lạm phát, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động trực tiếp, nhiều mặt đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025.

c) Mục tiêu chủ yếu. Căn cứ tình hình thực tế xây dựng phương án tăng trưởng của địa phương, ngành, lĩnh vực hợp lý và phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm dự báo khả năng thực hiện thành công Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

—  —

Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các Nghị quyết, quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, 5 năm 2021-2025, các khâu đột phá giai đoạn 2021-2025 của tỉnh về: (1) Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; (2) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; (3) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; (4) Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ. Trong đó, lưu ý các định hướng, nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế. Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 về Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2021 về Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, có tính liên vùng, hạ tầng đô thị lớn, cảng biển và sân bay. Tập trung triển khai hiệu quả Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ Chính trị về huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, ưu tiên ngân sách cho phát triển hạ tầng; đẩy mạnh phát triển các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư. Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu... Phát triển kinh tế biển, chú trọng thu hút nguồn lực đầu tư vào các KKT Hòn La, KKT cửa khẩu Cha Lo gắn với hành lang kinh tế Quốc Lộ 12A³, các khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục đại học; phát triển đội ngũ

³ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 25/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển KKT Hòn La, KKTCK Cha Lo gắn với hành lang kinh tế Quốc Lộ 12A đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Triển khai đồng bộ, hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành có tiềm năng, lợi thế, tạo bút phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số⁴. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra. Khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức. Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Tích cực triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo⁵; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Khai thác tối ưu và hợp lý các di sản văn hóa, thiên nhiên, đặc biệt là Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng⁶. Hình thành các

⁴ Theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

⁵ Theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 14/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

⁶ Theo Chỉ thị số 39-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh tầm khu vực. Đẩy mạnh việc phát triển du lịch gắn với các đô thị, khu sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng.

- Tập trung phát triển lĩnh vực văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 sau khi được phê duyệt. Nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng trọng tâm, trọng điểm gắn với phát triển du lịch. Tiếp tục xây dựng, triển khai hệ giá trị quốc gia văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới; phát huy giá trị văn hóa và con người Quảng Bình trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KT-XH. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao.

- Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, xâm nhập mặn. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

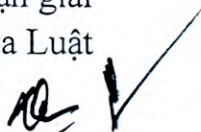
- Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, chú trọng triển khai công tác ngoại giao kinh tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển KT-XH, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển đất nước. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các sở, ngành và địa phương cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương để thực hiện thành công kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2025 – 2027

Xây dựng dự toán thu, chi NSDP năm 2025 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH của quốc gia và địa phương năm 2025, giai đoạn 2023-2025; kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật





NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chế độ, chính sách chi NSNN, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành.

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Về dự toán thu ngân sách nhà nước

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2025 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế bình quân tăng tối thiểu khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị, gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW) và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW); Kinh phí về chế độ tiền lương mới, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024.

Bảo đảm nguồn lực để tiếp tục triển khai chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) và Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện phân bổ trước ngày 31 tháng 12, hạn chế

tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2025. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển:

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, giao vốn nhưng không phân bổ hết nguồn vốn được giao, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

(i) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có).

(ii) Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3

(iii) Bố trí đủ vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 cho các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn vốn này;

(iv) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn tham gia vào các dự án PPP, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(v) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách,

(vi) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(vii) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

(viii) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

b) Đối với các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc: thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ sau khi được ban hành.

c) Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

d) Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW; các đơn vị sự nghiệp công lập do



NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

3. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc nguồn thu NSNN

Việc xây dựng dự toán thu/chi NSNN năm 2025 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024; hồ sơ, văn kiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; văn bản cam kết tài trợ của nhà tài trợ nước ngoài hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận viện trợ ký kết với nhà tài trợ (nếu có) theo quy định pháp luật về quản lý nguồn vốn viện trợ của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, tiến độ triển khai thực tế của các khoản viện trợ, khả năng phát sinh và thực hiện các khoản viện trợ mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, chủ chương trình/dự án/phi dự án và cơ quan dự toán cấp I (cơ quan chủ quản) cần phân định rõ tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, chi tiết từng nội dung/ lĩnh vực chi theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước để đáp ứng các yêu cầu quản lý.

4. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phân đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2025 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế.

Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP đã được Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán năm 2024 để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2025 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Dự toán chi cân đối NSDP:



Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp tại điểm a nêu trên, số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP xác định bằng số giao được dự toán năm 2024 (nếu có), số bổ sung từ NSTW cho NSDP để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương (nếu có). Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển KT-XH cả giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2024 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Các địa phương bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông), lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

d) Đối với bội chi, vay và trả nợ của NSDP:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2025; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025 - 2027

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm

xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Nghị quyết số 104/2023/QH15; dự toán năm 2025 và tạm giả định các quy định trong thời kỳ ổn định hiện hành:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh trình UBND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh và địa phương lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ và theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trong tháng 6 năm 2024, căn cứ Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để ban hành văn bản hướng dẫn cho các sở, ngành, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2025, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 31/7/2024*.

c) Phối hợp với Cục Thống kê, các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 bảo đảm phù hợp với Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025.

2. Cục Thống kê:

Đối với chỉ tiêu GRDP, sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê công bố, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương liên quan rà soát, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025, báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư) *trước ngày 20/7/2024*.

3. Các sở, ngành và địa phương:

a) Xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025. Đối

với chỉ tiêu GRDP và các chỉ tiêu thống kê; phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 đến Sở Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 15/7/2024*.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027

1. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và những quy định trong Chỉ thị này; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2025, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 và Kế hoạch ĐTC năm 2025 phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật ĐTC.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị, địa phương tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định biên chế năm 2025 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2025 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2025.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội, Kết luận 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW; Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh đánh giá tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2024, kế hoạch năm 2025 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2026-2027, tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 theo quy định.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác sử dụng NSNN có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng TC-KH các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, NC-VX;
- Trung tâm Tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Thắng